

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST

Ngày 24-5-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quàng Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Việt Hà;

Ông Đinh Xuân Thủy;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thế – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Chị **Tân Thị C**, sinh năm: 1988; Nơi ĐKKHKT: **Bản É, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu**; (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Lò Văn H**, sinh năm: 1986; Nơi ĐKKHKT: **Bản É, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu**; (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 4 năm 2024 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị **Tân Thị C** trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Tân Thị C** và anh **Lò Văn H** tự nguyện tìm hiểu, sống chung có đăng ký kết hôn ngày 14/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã **M, huyện T, tỉnh Lai Châu**. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại bản Én Luông, xã **M, huyện T, tỉnh Lai Châu**. Sống chung hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh **Lò Văn H** sử dụng ma túy, không chịu tu chí làm ăn, lao động, sản xuất, vun vén kinh tế gia đình, nuôi dạy con cái. Chị **C** cùng hai bên gia đình nhiều lần động viên, nhắc nhở anh **H** nhưng không thành

dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn gia đình trở nên trầm trọng. Tháng 6/2022, anh **H** bị Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn là 24 tháng, hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Hải Dương. Trong thời gian anh **H** cai nghiện chị **C** có đến thăm hỏi, động viên. Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2022 cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Chị **Tân Thị C** xác định, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh **Lò Văn H**.

Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị **Tân Thị C** và anh **Lò Văn H** có hai con chung chưa thành niên là cháu **Lò Văn Đ**, sinh ngày 31/8/2010 và cháu **Lò Đức L**, sinh ngày 25/02/2015. Ly hôn, chị **Tân Thị C** có yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung chưa thành niên và không yêu cầu anh **Lò Văn H** cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị **Tân Thị C** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, kèm theo đơn khởi kiện chị **Tân Thị C** đã nộp cho Tòa án: Trích lục kết hôn số 09/2024 ngày 19/02/2024; bản sao có chứng thực giấy khai sinh số 02 ngày 14/12/2011; bản sao có chứng thực giấy khai sinh số 01 ngày 05/6/2015 của Ủy ban nhân dân xã **M**, huyện **T** cấp; bản sao căn cước công dân chị **C**, anh **H** và xác nhận nơi cư trú. Việc giao nộp tài liệu chứng cứ đúng thời gian và đúng trình tự, thủ tục.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại các biên bản lấy lời khai, phiên hoà giải, đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn anh **Lò Văn H** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh **Lò Văn H** khẳng định về thời gian sống chung và đăng ký kết hôn như chị **Tân Thị C** trình bày là đúng. Anh chị sống chung hạnh phúc đến năm 2022 thì anh **H** bị Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn là 24 tháng, hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Hải Dương. Trong thời gian anh **H** cai nghiện chị **C** có đến thăm. Anh **H** thừa nhận bản thân nghiện chất ma túy từ năm 2021 tuy nhiên gia đình không biết. Quá trình chung sống anh chị có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã tuy nhiên chưa có hành vi bạo lực gia đình. Mặc dù vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng do còn tình cảm với chị **C** nên anh **H** không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh **Lò Văn H** công nhận anh và chị **C** có hai con chung như chị **C** trình bày là đúng. Hiện nay con chung đang sống cùng chị **C** và ông bà nội. Ly hôn, anh **H** có yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung chưa thành niên là cháu **Lò Văn Đ** và **Lò Đức L** và không yêu cầu chị **C** cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh **Lò Văn H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Than Uyên đã thụ lý vụ án và xác minh tại nơi cư trú và đại diện hai bên gia đình chị **Tần Thị C**, anh **Lò Văn H** xác định: Chị **Tần Thị C** và anh **Lò Văn H** tự nguyện tìm hiểu, sống chung có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **M**, huyện **T**. Sau khi kết hôn anh chị sống chung tại bản Én Luông, xã **M**, huyện **T**, tỉnh **Lai Châu**. Chị **C** và anh **H** đều thừa nhận, quá trình chung sống anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do không hợp tính tình. Năm 2021, anh **H** sử dụng ma túy dẫn đến nghiện, mặc dù đã được chị **C** và gia đình động viên cai nghiện nhưng không thành từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt. Năm 2022 anh **H** bị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn là 24 tháng, hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Hải Dương.

Chị **Tần Thị C** và anh **Lò Văn H** sống chung tại ngôi nhà gỗ ba gian ở bản **É**, xã **M**, huyện **T**. Cả hai đều là lao động tự do với mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại trên địa bàn xã **M** là 45.000.000 đồng/năm (khoảng 3.750.000 đồng/tháng). Chị **Tần Thị C** chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và quy định của địa phương, không mắc tệ nạn xã hội, riêng anh **Lò Văn H** nghiện chất ma túy, hiện đang phải chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, trong thời gian chấp hành quyết định anh **H** không có thu nhập.

Trong thời kỳ hôn nhân chị **Tần Thị C** và anh **Lò Văn H** có hai con chung chưa thành niên là cháu **Lò Văn Đ**, sinh ngày 31/8/2010 và cháu **Lò Đức L**, sinh ngày 25/02/2015. Hiện con chung đang sống tại nhà gỗ ba gian tài sản chung của gia đình. Cả hai con chung đều được đi học. Tham khảo ý kiến của con chung chưa thành niên cả hai con chung đều có nguyện vọng sống cùng mẹ là chị **Tần Thị C**.

Các đương sự không thỏa thuận được về việc ly hôn, việc nuôi con chưa thành niên. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,

công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, chị **Tần Thị C** vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt nội dung giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh **Lò Văn H**. Trong quá trình giải quyết vụ án, đơn xin xét xử vắng mặt anh **H** không đồng ý ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu tham gia phiên tòa còn chưa đảm bảo thời gian. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Về phía các đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51; 53; 56; 57; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và đình năm 2014; Các Điều 5; Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 266; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị **Tần Thị C** ly hôn với anh **Lò Văn H**.

Về con chung: Giao cho chị **Tần Thị C** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung chưa thành niên là cháu **Lò Văn Đ**, sinh ngày 31/8/2010 và cháu **Lò Đức L**, sinh ngày 25/02/2015 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động. Do chị **Tần Thị C** không yêu cầu anh **Lò Văn H** cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh **Lò Văn H** có hộ khẩu thường trú tại bản Én Luông, **xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu**. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 24/5/2024, Tòa án nhân dân huyện Than Uyên mở phiên toà, chị **Tần Thị C** và anh **Lò Văn H** đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, biên bản xác minh tại **Ủy ban nhân dân xã M**, đại diện gia đình các đương sự và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định: Chị **Tần Thị C** và anh **Lò Văn H** tự nguyện tìm hiểu, sống chung có đăng ký kết hôn năm 2011 tại **Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu** trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị **C** và anh **H** là hôn nhân hợp pháp.

Chị **Tần Thị C** và anh **Lò Văn H** sống chung hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Anh **Lò Văn H** thừa nhận bản thân sử dụng và nghiện chất ma túy từ năm 2021, đến năm 2022 phải chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và từ đó anh chị sống ly thân. Mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải nhiều lần nhưng không thành.

Qua xác minh, đại diện gia đình anh **H** xác nhận có chứng kiến vợ chồng chị **C**, anh **H** thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh **H** sử dụng ma túy, thường xuyên mang tài sản trong nhà đem bán dẫn đến ngoài ngôi nhà gỗ ba gian anh chị không có tài sản nào đáng kể. Hiện nay anh **H** đang phải chấp hành quyết định cai nghiện. Trong thời gian anh **H** cai nghiện các con chung ở cùng chị **C** và ông bà nội, chị **C** là người chu cấp tiền nuôi con chung đảm bảo các

điều kiện sinh hoạt, học tập của con. Đại diện chính quyền địa phương xác nhận anh **Lò Văn H** là đối tượng sử dụng chất ma túy, hiện đang phải chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Hải Dương.

Tòa án nhân dân huyện Than Uyên đã tiến hành mở phiên hòa giải để anh chị đoàn tụ nhưng không thành.

Hội đồng xét xử nhận định, mâu thuẫn vợ chồng chị **Tần Thị C**, anh **Lò Văn H** đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt không thể hàn gắn. Anh **Lò Văn H** nghiện chất ma túy, không chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, có lỗi dẫn đến ly hôn. Các bên đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng như không còn yêu thương nhau, không còn sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình và hiện nay anh chị đã ly thân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của chị **Tần Thị C** là có căn cứ phù hợp với các quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận, xử cho chị **Tần Thị C** được ly hôn với anh **Lò Văn H**.

[3.2] Về nuôi con chung: Căn cứ bản sao có chứng thực giấy khai sinh số 02 ngày 14/12/2011; bản sao có chứng thực giấy khai sinh số 01 ngày 05/6/2015 của Ủy ban nhân dân xã **M**, huyện **T** cấp xác nhận trong thời kỳ hôn nhân chị **Tần Thị C** và anh **Lò Văn H** có hai con chung chưa thành niên là **Lò Văn Đ**, sinh ngày 31/8/2010 và cháu **Lò Đức L**, sinh ngày 25/02/2015.

Xét về điều kiện nuôi con, Anh **Lò Văn H** và chị **Tần Thị C** đều có nơi cư trú ổn định tại bản Én Luông, xã **M**, huyện **T** tại một ngôi nhà gỗ ba gian là tài sản chung của gia đình; anh chị có nghề nghiệp là lao động tự do với mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại tại địa phương là 45.000.000 đồng/ năm (khoảng 3.750.000 đồng/người/tháng). Chị **Tần Thị C** chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và quy định của địa phương, không mắc tệ nạn xã hội, riêng anh **Lò Văn H** nghiện chất ma túy, hiện đang phải chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, trong thời gian chấp hành quyết định anh **H** không có thu nhập. Qua xác minh và bản thân anh **Lò Văn H** thừa nhận anh nghiện chất ma túy nên không có đủ các điều kiện để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con. Về phía chị **Tần Thị C** có đủ điều kiện đảm bảo việc sinh hoạt, học tập của con chung chưa thành niên.

Tại thời điểm giải quyết vụ án xác định các cháu **Lò Văn Đ** và **Lò Đức L** đã trên 07 tuổi, căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện

Than Uyên tiến hành hỏi ý kiến con chung chưa thành niên. Ý kiến các con chung chưa thành niên đều muốn ở cùng với mẹ là chị **Tân Thị C**, do bố là anh **Lò Văn H** nghiện chất ma túy gây ảnh hưởng đến tâm lý và sinh hoạt, học tập của các cháu.

Tham khảo ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về gia đình ở địa phương đề nghị Toà án xem xét, do anh **Lò Văn H** nghiện chất ma túy, hiện đang phải chấp hành quyết định cai nghiện nên không đảm bảo việc nuôi con. Do đó, cần giao con chung chưa thành niên cho chị **Tân Thị C** là người có đủ điều kiện hơn trong việc đảm bảo sinh hoạt về mọi mặt của con chung chưa thành niên, tránh những xáo trộn về môi trường sống, học tập để ảnh hưởng đến tâm lý của trẻ em.

Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu **Lò Văn Đ** và **Lò Đức L** hiện đang ở độ tuổi rất cần sự quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng của cha mẹ để đảm bảo phát triển về thể chất, tinh thần và nhân cách. Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị **Tân Thị C**, giao cho chị **C** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung chưa thành niên từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **Tân Thị C** không yêu cầu anh **Lò Văn H** cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài chung và nợ chung, cho vay chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên về giải quyết nội dung vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là chị **Tân Thị C** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Các Điều 143, 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 266, 267, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và đình năm 2014;

- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Tần Thị C**, xử cho chị **Tần Thị C** ly hôn với anh **Lò Văn H**.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị **Tần Thị C** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung chưa thành niên là cháu **Lò Văn Đ**, sinh ngày 31/8/2010 và cháu **Lò Đức L**, sinh ngày 25/02/2015 từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động.

Anh **Lò Văn H** có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị **Tần Thị C** theo Quyết định của Tòa án. Chị **C** có quyền yêu cầu anh **H** cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Anh **Lò Văn H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **Tần Thị C** không yêu cầu anh **Lò Văn H** cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Tần Thị C** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Xác nhận chị **Tần Thị C** đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số **0000797 ngày 03/4/2024** tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu nay chuyển thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Than Uyên;
- Chi cục THA dân sự huyện Than Uyên;
- Các đương sự (Để thi hành);
- UBND xã Mường Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



- Công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**Quàng Thị Phương**